

Số: 1037 /QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. U

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Viện;
- Website Viện Hàn lâm (để đăng tin);
- Lưu: VT, UĐTKCN.





CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thực hiện
Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế
- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải
Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1037~~ /QĐ-VHL ngày ~~13~~ / 6 /2023
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)*

Với đường bờ biển chạy dài 1800km, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ (sau đây viết tắt BTB&DHTB) có vị trí địa chính trị đặc biệt, là “mặt tiền” của quốc gia, “khúc ruột” của Tổ quốc, là “cửa ngõ” ra biển cả, “bệ đỡ” cho các tỉnh Tây Nguyên, kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây. Đây cũng là khu vực có nhiều tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú: Chiếm 100% trữ lượng Cromit, 60% trữ lượng thiếc, 20% trữ lượng sắt, 44% trữ lượng đá vôi xi măng của cả nước, được phân bố khá tập trung tại một số địa phương, tạo thuận lợi cho việc khai thác, chế biến. Về hành chính, BTB&DHTB bao gồm 14 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, có diện tích chiếm 28,9% diện tích của cả nước, nhưng dân số của vùng năm 2020 khoảng 20,343 triệu người (chiếm 20,8% dân số cả nước) với hơn 50 dân tộc anh em cùng chung sống. Mặc dù, có vai trò rất quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) đất nước, đặc biệt là kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biển đảo của Tổ quốc nhưng vùng BTB&DHTB hiện vẫn có nhiều chỉ số phát triển thấp hơn mức trung bình của cả nước; tiềm năng, lợi thế của vùng BTB&DHTB, nhất là lợi thế về kinh tế biển, chưa được khai thác hợp lý, phát huy có hiệu quả để trở thành nguồn nội lực quan trọng cho phát triển KT-XH; các cực tăng trưởng, trung tâm phát triển và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chưa thể hiện rõ vai trò là *động lực tăng trưởng, đầu tàu dẫn dắt kinh tế vùng*; khu vực miền núi phía Tây vẫn là khu vực khó khăn; phát triển văn hoá, xã hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu trong tình hình mới... Để thực sự phát triển bền vững khu vực có vị thế địa chính trị quan trọng của Việt Nam, nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng BTB&DHTB đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 26-NQ/TW). Để đạt được các mục tiêu đề ra của Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 29/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động (sau đây gọi là Nghị quyết số 168/NQ-CP) thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW với mục tiêu phát triển đến năm 2045, BTB&DHTB thành một vùng phát triển nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn ngang tầm khu vực châu Á, với các khu kinh tế ven biển hiện đại và hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, có bản sắc riêng, thân thiện với môi trường, có khả năng chống chịu cao trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (theo Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ), Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện Hàn lâm) đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 và trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của các đơn vị, cá nhân trực thuộc đã thực hiện, Viện Hàn lâm ban hành Chương trình hành động để triển khai thực hiện nhằm thúc đẩy phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng BTB&DHTB đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 hiệu quả, đạt và vượt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Chương trình hành động gồm các nội dung chính sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Viện Hàn lâm triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm xây dựng và phát triển BTB&DHTB trở thành vùng phát triển năng động, nhanh, mạnh và bền vững hơn nữa về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao trong phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và nước bạn Lào; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền biển, đảo được bảo vệ vững chắc;

2. Chương trình hành động nhằm từng bước ứng dụng các kết quả nghiên cứu Khoa học và Công nghệ thuộc các Chương trình nghiên cứu cơ bản, điều tra cơ bản của Viện Hàn lâm thực hiện, chú trọng đến các nghiên cứu đã được triển khai trên địa bàn các tỉnh vùng BTB&DHTB để đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng sao cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế của vùng nhằm liên kết nội vùng và liên vùng, giữa vùng với Tây Nguyên, BTB&DHTB, vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng khác trong cả nước. Mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là với nước bạn Lào, các nước tiểu vùng sông Mê Kông.

3. Phân đấu đạt các mục tiêu nhằm đảm bảo các chỉ tiêu đặt ra của Nghị quyết số 168/NQ-CP với các nhiệm vụ phát triển kinh tế vùng nhanh, xã hội ổn định và môi trường bền vững:

- Thúc đẩy hợp tác KH&CN trong khuôn khổ đã ký kết với ủy ban nhân dân các tỉnh Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận, TP. Đà Nẵng trong xây dựng đề án phát triển các khu, cụm động lực trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phối hợp thực hiện;

- Tham gia với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Đề án “Liên kết ngành dịch vụ khoa học công nghệ với doanh nghiệp vùng” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phối hợp thực hiện;

- Tham gia với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án “Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững trên cơ sở áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường” và “Phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững, ít phát thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, thông minh thích ứng với khí hậu vùng BTB&DHTB” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phối hợp thực hiện;

- Tham gia với Bộ Công Thương xây dựng Đề án “Liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, năng lượng vùng BTB&DHTB” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phối hợp thực hiện;

- Tham gia với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công tác “Tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng BTB&DHTB” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phối hợp thực hiện.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Chủ động phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trên địa bàn vùng BTB&DHTB đẩy nhanh ứng dụng các kết quả của Viện Hàn lâm trong nghiên cứu cơ bản, điều tra cơ bản và Chương trình hợp tác KH&CN với UBND các tỉnh, thành phố trong vùng vào thực tiễn nhằm đảm bảo phát triển nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển tại đây.

- Trong khuôn khổ hợp tác KH&CN giữa Viện Hàn lâm và UBND các tỉnh, thành phố của vùng BTB&DHTB hỗ trợ các công cụ mạnh (viễn thám, hệ thống tin địa lý...) nhằm quy hoạch lãnh thổ của vùng và từng địa phương, quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; nghiên cứu tổ chức không gian phát triển bền vững KT-XH trong bối cảnh biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám và phân tích không gian, mô hình hóa; tổ chức và quy hoạch lãnh thổ; phát triển hài hòa kinh tế - xã hội và môi trường ở các vùng đặc thù: (i) Phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng; (ii) quy hoạch hợp lý để phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng; (iii) quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; (iv) thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

2. Ứng dụng KH&CN trong phát triển kinh tế biển: Tập trung phát triển các ngành kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng an ninh trên biển, nhất là các ngành như du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi; các ngành kinh tế biển mới...

- Nghiên cứu đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, KT-XH, tài nguyên, môi trường và thiên tai phục vụ phát triển kinh tế và dân sinh; bảo vệ môi trường; góp phần đảm bảo quốc phòng - an ninh, quyền và lợi ích quốc gia trên các vùng biển, đảo;

- Đánh giá giá trị và tiềm năng sử dụng một số dạng tài nguyên thiên nhiên biển (khoáng sản, sinh học, năng lượng, tài nguyên vị thế...); các giá trị mới của tài nguyên như dược liệu biển và hoá phẩm biển;

- Nghiên cứu các vấn đề về biến động môi trường, môi trường xuyên biên giới, thiên tai trên biển, công nghệ tiên tiến trong cảnh báo và dự báo tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường biển và đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và axit hóa nước biển;

- Nghiên cứu các vấn đề quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường, quy hoạch không gian biển phục vụ phát triển kinh tế và quản lý biển; bảo tồn đa dạng sinh học biển, các hệ sinh thái biển, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, duy trì nguồn vốn tự nhiên biển;

- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên biển và ít gây tác động môi trường; nghiên cứu và phát triển công nghệ nuôi biển các đối tượng có giá trị; sử dụng năng lượng tái tạo; các quy trình công nghệ xử lý ô nhiễm, ứng phó sự cố môi trường và thiên tai trên biển. Phát triển và ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0 trong quan trắc, giám sát tự động, công nghệ định vị và dẫn đường trên biển. Ứng dụng công nghệ cao và hiện đại để khảo sát, nghiên cứu các vùng biển sâu; quan trắc, giám sát và dự báo biển: Dự báo nghề cá biển bằng viễn thám; dự báo khí tượng - thủy văn và giông bão ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; các tai biến như động đất - sóng thần, xói lở, sa bồi, thủy triều đỏ, tràn dầu và hoá chất, biến đổi khí hậu và dâng cao mực biển;

- Nghiên cứu ứng dụng về địa chất công trình và cơ học công trình biển.

3. Ứng dụng KH&CN trong ngành công nghiệp lọc, hóa dầu, năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen.

- Phát triển công nghệ vật liệu tiên tiến, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ tích trữ và giải phóng hydro, công nghệ vật liệu chức năng có cơ lý tính biến đổi từ hợp kim, composite cao phân tử, vật liệu composite cacbon... vật liệu từ, vật liệu geopolimer;

- Nghiên cứu xây dựng công nghệ khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo ở Việt Nam; công nghệ khai thác, biến đổi, truyền tải, phân phối và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nhiên liệu - năng lượng; nghiên cứu chế tạo các thiết bị và vật liệu mới trong năng lượng; nghiên cứu tính toán cân bằng năng lượng; nghiên cứu phát triển lưới điện thông minh nhỏ; nghiên cứu làm chủ các công nghệ vật liệu lưu trữ và chuyển hóa năng lượng như pin, pin nhiên liệu hiệu suất cao.

4. Ứng dụng KH&CN trong đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng sinh thái, đặc hữu có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu: Tiếp tục đẩy mạnh điều tra, nghiên cứu các đặc trưng cơ bản về tự nhiên, tài nguyên sinh vật, môi trường, các quy luật tự nhiên và thiên tai tác động đến hệ sinh thái và đánh giá các hệ sinh thái tính đa dạng sinh học, các hợp chất có hoạt tính sinh học, các dạng tài nguyên mới, tài nguyên phi thực phẩm, bảo tồn tài nguyên, khai thác và chế biến tài nguyên, dự báo tài nguyên và môi trường, biến đổi khí hậu và thiên tai;

- Liên kết theo chuỗi giá trị và có giá trị gia tăng cao; gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch... và xây dựng thương hiệu. Đẩy mạnh các nghiên cứu trong lĩnh vực sinh lý động vật, hóa sinh động vật, công nghệ sinh học động, thực vật, công nghệ thực phẩm và công nghệ sinh học môi trường.

- Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng nhằm quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, tăng cường chất lượng rừng nhằm tăng cường khả năng hấp thụ cacbon, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên: triển khai công nghệ sinh thái trong nông nghiệp và môi trường, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám, công nghệ môi

trường trong nghiên cứu, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học; giám sát và quản lý tài nguyên và môi trường, nông lâm nghiệp, cảnh báo thiên tai; quy hoạch và quản lý lãnh thổ; nghiên cứu ứng dụng kết hợp viễn thám và hệ thống tin địa lý (GIS).

5. Ứng dụng KH&CN trong phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển

- Đẩy mạnh nghiên cứu trí tuệ nhân tạo; công nghệ dữ liệu lớn và xử lý dữ liệu lớn; công nghệ chuỗi khối; điện toán đám mây; điện toán lưới; điện toán biên; Internet vạn vật; công nghệ an ninh mạng thông minh, tự khắc phục và thích ứng;

- Nghiên cứu chế tạo robot tự hành; robot tương tác; phương tiện bay không người lái; giao thông thông minh;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp hệ thống tin địa lý (GIS) và chế tạo các thiết bị đo lường và quan trắc từ xa trong giám sát và quản lý đô thị thông minh.

6. Ứng dụng KH&CN trong kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin; giảm thiểu rác thải nhựa đại dương.

7. Ứng dụng KH&CN trong phòng, chống thiên tai; phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động. Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

8. Khai thác mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế, đa dạng hóa loại hình du lịch khu vực BTB&DHTB (du lịch tâm linh, lịch sử truyền thống, sinh thái, du lịch biển...), thúc đẩy liên kết, nâng cao chuỗi giá trị du lịch của vùng, hình thành các khu du lịch mang tầm quốc tế.

- Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên, môi trường và thiên tai phục vụ phát triển du lịch trên các vùng biển, đảo;

- Xây dựng các mô hình du lịch sinh thái phù hợp với điều kiện của vùng.

9. Hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ: Mở rộng các trung tâm, Viện nghiên cứu của Viện Hàn lâm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa và phối hợp xây dựng các trung tâm đào tạo. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu ứng dụng triển khai và công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu gồm: Công nghệ sinh học ứng dụng; công nghệ thông tin, công nghệ vũ trụ (viễn thám, GIS)... phục vụ quản lý tài nguyên, phòng chống thiên tai, ô nhiễm môi trường tiến tới phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số chống biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo - nghiên cứu khoa học và hỗ trợ sáng tạo - khởi nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố, các sở, ngành trên địa bàn vùng BTB&DHTB nhằm đẩy mạnh chuyển giao các kết quả nghiên cứu do đơn vị thực hiện trong các Chương trình nghiên cứu cơ bản, điều tra cơ bản và tư vấn các giải pháp được đề ra trong mục II. Trong quá trình nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ cho vùng BTB&DHTB, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Viện Hàn lâm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



2. Giao Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ đánh giá Chương trình hợp tác KH&CN với UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và đề xuất tham mưu Lãnh đạo Viện Hàn lâm các nội dung hợp tác KH&CN với UBND các tỉnh, thành khác trên địa bàn vùng BTB&DHTB nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách của địa phương, bộ, ngành trên địa bàn, chú trọng các lĩnh vực về chuyển giao công nghệ của Viện Hàn lâm, hỗ trợ các địa phương trong đăng ký sở hữu trí tuệ các sản phẩm đặc thù (Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, giống cây trồng vật nuôi, chỉ dẫn địa lý,...) thông qua các nhiệm vụ hợp tác với địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn.

3. Giao Ban Kế hoạch - Tài chính và Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, điều tra cơ bản theo hướng mũi nhọn của các địa phương hợp tác nhằm ứng dụng các kết quả nghiên cứu cơ bản trên địa bàn vùng BTB&DHTB.

4. Định kỳ hằng năm, các đơn vị trực thuộc tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Viện Hàn lâm trước ngày 10/12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định./. *ly*